

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HS-ST
Ngày 31- 8 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Mai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi** và bà **Nguyễn Thị Liên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Luân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** – Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2020/TLST - HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HS ngày 11/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐHPT ngày 25/8/2020 đối với các bị cáo:

1. Lưu Thị Th, sinh năm 1978; Giới tính: Nữ; Quê quán: Xã PN, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lưu Văn Đ, con bà Trần Thị Th; có chồng: Đỗ Năng Th và 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2015; Danh chỉ bản số 240 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1981; Giới tính: Nam; Quê quán: xã NH, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết), con bà Trịnh Thị Ng; có vợ nhưng đã ly hôn; có 06 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm

2013; Danh chỉ bản số 238 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Giới tính: Nam; Quê quán: xã ĐP, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn HX, xã ĐP, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết), con bà Nguyễn Thị S; có vợ: Nguyễn Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; Danh chỉ bản số 242 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 118/2020/HSST ngày 30/6/2020, TAND quận Hà Đông, TP Hà Nội xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 29/5/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

4. Trịnh Thị V, sinh năm 1976; Giới tính: Nữ; Quê quán: xã PNA, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn M, xã PNA, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trịnh Trọng M, con bà Nguyễn Thị Th; có chồng: Lê Quang Th (đã chết) và 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; Danh chỉ bản số 239 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

5. Triệu Bá H, sinh năm 1997; Giới tính: Nam; Quê quán: xã NH, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông: Triệu Bá S, con bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; Danh chỉ bản số 237 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

6. Đỗ Năng Kh, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Quê quán: xã NH, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Năng Th, con bà Dương Thị B; Có vợ:

Bùi Thị Tr và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; Danh chỉ bản số 236 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự : Không.

Về nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 33/2011/HSST ngày 21/3/2011, Tòa án huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng 12 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” (nộp án phí ngày 22/8/2011 theo biên lai số 0335) (Đã được xoá án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

7. Trần Thế C, sinh năm 1984; Giới tính: Nam; Quê quán: xã NH, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Trần Xuân Ch, con bà Nguyễn Thị H; Có vợ: Nguyễn Thị Kh và 03 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; Danh chỉ bản số 243 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1977; Giới tính: Nữ; Quê quán: xã Tiên Ph, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn S, xã TP, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Đình V, con bà Nguyễn Thị Th; Chưa có chồng; Danh chỉ bản số 329 lập ngày 12/6/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 11/6/2020 đến ngày 12/6/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

9. Đình Thị Th, sinh năm 1988; Giới tính: Nữ; Quê quán: Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn CL, xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: Đình Văn H (đã chết), con bà Nguyễn Thị Th; có chồng: Đỗ Năng H và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Danh chỉ bản số 241 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

10. Lưu Văn Đ, sinh năm 1983; Giới tính: Nam; Quê quán: xã PN, huyện C, Hà Nội; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã PN, huyện C, Thành phố Hà

Nội; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lưu Văn Đ, con bà Trần Thị Th; Có vợ: Vũ Thị H và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; Danh chỉ bản số 245 lập ngày 22/4/2020 tại Công an huyện Chương Mỹ; Tiền án, Tiền sự : Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 19/4/2020, Lưu Thị Th đang ở nhà thì có Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trịnh Thị V, Trần Thế C, Triệu Bá H đến chơi, uống nước. Tại đây, S đề nghị Th cho các đối tượng đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau, được thua bằng tiền và sẽ thu tiền phé đưa cho Th, Th đồng ý. S lấy 01 (một) bát men sứ, 01 (một) đĩa men sứ bếp nhà Th và cắt 04 (bốn) quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc lá vinataba để đánh bạc và thống nhất mỗi người chơi bỏ ra 50.000 đồng tiền phé cho Th (chủ nhà). Sau khi cắt quân vị xong, T là người xóc cái cho các đối tượng đánh bạc. Một lúc sau thì có các đối tượng Đỗ Năng Kh, Lưu Văn Đ, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị Ph đến và cùng tham gia đánh bạc. Khi các đối tượng đang đánh bạc thì có Lê Thị T – sinh năm 1981, là hàng xóm của Th đến bán nước, thuốc lá cho S và Th nhưng không tham gia đánh bạc. Ngoài ra, có Trần Thị N - sinh năm 1987, Lê Tuấn Ch – sinh năm 1980, Nguyễn Thị H – sinh năm 1964, Trịnh Duy Th – sinh năm 1985, ở cùng thôn CL, xã NH đến nhưng không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Chương Mỹ phát hiện bắt quả tang, còn Nguyễn Thị Ph, Trần Thị N, Lê Tuấn Ch, Nguyễn Thị H, Trịnh Duy Th bỏ chạy thoát. Đến ngày 11/6/2020, Nguyễn Thị Ph đến Công an huyện Chương Mỹ đầu thú.

* Tang vật thu giữ:

- 01 (một) đĩa men sứ (đã vỡ), 01 (một) bát men sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc chiếu.
- Thu tại chiếu bạc số tiền là 5.800.000 đồng.
- Thu trên người các đối tượng 8.050.000 đồng. Trong đó:
 - + Thu trên người Trần Thế C số tiền: 70.000 đồng.
 - + Thu trên người Trịnh Thị V số tiền 3.000.000 đồng.
 - + Thu trên người Nguyễn Văn S số tiền 1.800.000 đồng.
 - + Thu trên người Lê Thị Tư số tiền 520.000 đồng.
 - + Thu trên người Đinh Thị Th số tiền 1.400.000 đồng.
 - + Thu trên người Đỗ Năng Kh số tiền 160.000 đồng.

+ Thu trên người Lưu Văn Đ số tiền 1.100.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Thị Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trịnh Thị V, Trần Thế C, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ, Đỗ Năng Kh, Triệu Bá H và Nguyễn Thị Ph đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

1. Lưu Thị Th (chủ nhà): Thu đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình để hưởng tiền phé. Quá trình các đối tượng đánh bạc đã bỏ ra 500.000 đồng tiền phé để trên chiếu bạc, nhưng chưa đưa cho Th thì bị bắt quả tang.

2. Nguyễn Văn S: Trực tiếp cắt quân vị, lấy bát đĩa nhà Th làm dụng cụ đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc, S có 100.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc S thắng 2.150.000 đồng, S bỏ ra 150.000 đồng tiền phé, mua nước uống của T hết 100.000 đồng. Khi bị bắt, thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí S ngồi 200.000 đồng, còn 1.800.000 đồng trên người S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

3. Nguyễn Văn T: Trực tiếp xúc cái để đánh bạc với các đối tượng. Khi tham gia đánh bạc, T có 2.600.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. T đã bỏ ra 50.000 đồng tiền phé. Khi bị bắt, T thua 550.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí T ngồi 2.000.000 đồng.

4. Trịnh Thị V: Khi tham gia đánh bạc, V có 3.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt, V đang thắng 1.800.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí V ngồi 1.800.000 đồng, còn 3.000.000 đồng trên người V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

5. Triệu Bá H: Khi tham gia đánh bạc, H có 2.200.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, H đã bỏ ra 100.000 đồng tiền phé. Khi bị bắt, H bị thua hết 2.100.000 đồng.

6. Trần Thế C: Khi tham gia đánh bạc, C có 1.450.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, C đã bỏ ra 50.000 đồng tiền phé. Khi bị bắt, C thua 330.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí C ngồi 1.000.000 đồng, còn 70.000 đồng trên người C đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

7. Nguyễn Thị Ph: Khi tham gia đánh bạc, Ph có 1.250.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, Ph đã bỏ ra 100.000 đồng tiền phé. Khi bị lực lượng Công an bắt quả tang, Ph bị thua hết 1.150.000 đồng và bỏ chạy thoát.

8. Đinh Thị Th: Khi tham gia đánh bạc, Th có 1.070.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc, Th đã bỏ ra 50.000 đồng tiền phé. Quá trình đánh bạc Th thắng 480.000 đồng, mua nước uống của T hết 100.000 đồng. Khi bị bắt, Th đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an 1.400.000 đồng.

9. Đỗ Năng Kh: Khi tham gia đánh bạc, Kh có 860.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Khi bị bắt, Kh thua 400.000 đồng, thu giữ trên chiếu

bạc tại vị trí Kh ngồi 300.000 đồng, còn 160.000 đồng trên người Kh đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an.

10. Lưu Văn Đ: Khi tham gia đánh bạc, Đ có 1.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc Đ thắng 100.000 đồng. Khi bị bắt, Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Công an 1.100.000 đồng.

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ vụ án xác định số tiền 520.000 đồng thu giữ của Lê Thị T, trong đó có 320.000 đồng là tiền của T mang từ nhà đi và 200.000 đồng là tiền Nguyễn Văn S, Đinh Thị Th mua nước, thuốc lá của T, đây là tiền S và Th sử dụng để đánh bạc mà có. Như vậy, có đủ căn cứ xác định số tiền 5.800.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc, 7.530.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc và 200.000 đồng thu giữ của Lê Thị T đều là tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc. Tổng cộng 13.530.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Tại Bản Cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 27/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Lưu Thị Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự với số tiền quy kết là 13.530.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ, Đỗ Năng Kh khai nhận toàn bộ diễn biến thực hiện hành vi và số tiền sử dụng vào đánh bạc như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn T, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ, Đỗ Năng Kh. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố cả 10 bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo điểm s khoản 1 Điều 51 đối với cả 10 bị cáo; “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Th, S, V, H, C, Ph, Th, Đ; bị cáo Ph hưởng tình tiết “đầu thú” theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cả 10 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T có nhân thân xấu: Ngày 30/6/2020 bị Tòa án quận Hà Đông phạt 06 tháng tù về tội Đánh bạc, nên lần cần phải cách ly bị cáo với xã hội một gian nhất định. 09 bị cáo còn lại có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018 ngày

15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC. Đề nghị mức phạt cụ thể đối với từng bị cáo như sau: T từ 12 – 15 tháng tù; Th từ 12 – 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; S, V: mỗi bị cáo từ 09 – 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; H, C, Ph, Th, Đ, Kh: mỗi bị cáo từ 06 – 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đĩa men sứ (đã vỡ), 01 (một) bát men sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc chiếu; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.530.000 đồng; Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, cơ quan truy tố; hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về: Khởi tố vụ án, khởi tố bị can, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, áp dụng, thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị can; về các biện pháp điều tra như lấy lời khai bị can, thu giữ vật chứng, về việc giao nhận các văn bản tố tụng cho các bị can. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên; không khiếu nại về việc bị Điều tra viên, Kiểm sát viên mớm cung, ép cung, bức cung, nhục hình. Các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên là chứng cứ của vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, thấy phù hợp với biên bản phạm pháp quả tang, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 19/4/2020, Lưu Thị Th đã dùng nhà ở của mình ở thôn CL, xã NH, huyện C, TP Hà Nội, để cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ, Đỗ Năng Kh đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, để hưởng tiền hồ phé. Đến 17 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Chương Mỹ bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng. Số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 5.800.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng tiền hồ phé để trả cho Lưu Thị Th; số tiền thu trên người các bị cáo là 7.730.000 đồng, đều là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 13.530.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức “Xóc đĩa” với số tiền 13.530.000 đồng của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Đỗ Năng Kh, Lưu Văn Đ đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi dùng nhà ở của mình cho 09 bị cáo khác đánh bạc trong cùng một lúc với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc trong cùng một lần là 13.530.000 đồng, để hưởng tiền hồ phé như đã nêu trên của Lưu Thị Th không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 322 BLHS nên không phạm tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc”. Hành vi của Lưu Thị Th đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS với vai trò đồng phạm giúp sức.

Cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 27/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Lưu Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Đỗ Năng Kh, Lưu Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo điều khoản nói trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi đánh bạc của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân gây ra những tội phạm khác, gây ra những hệ lụy cho xã hội. Các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét vai trò, mức độ tham gia đánh bạc, cũng như nhân thân của từng bị cáo.

[2.2.1] Bị cáo Lưu Thị Th là chủ nhà nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo là người có nhân thân tốt; “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phù hợp.

[2.2.2] Bị cáo Nguyễn Văn T, là người xóc cái, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc 2.600.000 đồng - đứng thứ 2 trong vượn, nên T cũng giữ vai trò chính trong vượn, ngang với Lưu Thị Th. Về nhân thân bị cáo: Ngày 30/6/2020, bị Tòa án nhân dân quận Hà Đông, TP Hà Nội phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” (ngày phạm tội 19/12/2019). Như vậy, trong thời gian được Cơ quan tiến hành tố tụng quận Hà Đông cho tại ngoại tại địa phương thì Nguyễn Văn T lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc vào ngày 19/4/2020 tại nhà Lưu Thị Th - lần này tuy không thuộc trường hợp “tái phạm”, nhưng đã thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật; nên cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị

cáo, dẫn đe phòng ngừa chung. Bị cáo cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo” khi quyết định hình phạt.

Do bản án hình sự sơ thẩm số 118/2020/HSST ngày 30/6/2020 của TAND quận Hà Đông chưa có hiệu lực pháp luật, nên sẽ không tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với T.

[2.2.3] Bị cáo Nguyễn Văn S là người hỏi mượn Th địa điểm đánh bạc, là người cắt quân vị, số tiền sử dụng đánh bạc 100.000 đồng - ít nhất trong vạ. Bị cáo Trịnh Thị V, sử dụng 3.000.000 đồng vào đánh bạc - nhiều nhất trong vụ án. Do vậy, mức độ vai trò của S và V ngang nhau, hình phạt sẽ ngang nhau.

Đối với S và V đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo S có hoàn cảnh gia đình, vợ chồng ly hôn, một mình S nuôi 06 con còn nhỏ, mẹ đẻ S bị tàn tật. Bị cáo V có hoàn cảnh gia đình, chồng mới bị chết do bị bệnh hiểm nghèo. Xét thấy, bị cáo S, V có hoàn cảnh gia đình éo le, nhưng đều có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phù hợp.

[2.2.4] Đối với nhóm các bị cáo có vai trò thấp hơn do sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn Trịnh Thị V là: Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ thì thấy: Các bị cáo này sử dụng số tiền đánh bạc ít hơn bị cáo V. Các bị cáo trong nhóm này đều “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”. Các bị cáo Triệu Bá H, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ đều có nhân thân tốt, “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Riêng bị cáo Đỗ Năng Kh có nhân thân xấu hơn các bị cáo khác trong nhóm, cụ thể: Ngày 21/3/2011, bị Tòa án huyện Chương Mỹ phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 47 tháng 12 ngày kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”; tính đến lần phạm tội này án tích đã xóa hơn 05 năm, nên cũng được coi là có nhân thân tốt. Xét thấy 06 bị cáo này có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đều có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC và Điều 65 Bộ luật hình sự cho 06 bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phù hợp.

Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[2.3] Về vật chứng đã thu giữ:

- 01 (một) đĩa men sứ (đã vỡ), 01 (một) bát men sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc chiếu: được sử dụng vào việc đánh bạc, nên áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

- **13.530.000 đồng** là số tiền đã được sử dụng vào việc đánh bạc, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[2.4] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt: **Nguyễn Văn T: 12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù từ tính ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/4/2020 đến ngày 29/5/2020.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1 Điều 51 (trừ bị cáo Kh không được hưởng điểm i); Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt:

3.1. **Lưu Thị Th: 12** (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.2. **Nguyễn Văn S: 10** (mười) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.3. **Trịnh Thị V: 10** (mười) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.4. **Triệu Bá H: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.5. **Đỗ Năng Kh: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.6. **Trần Thế C: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.7. **Nguyễn Thị Ph: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.8. **Đinh Thị Th: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

3.9. **Lưu Văn Đ: 06** (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn S, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Đinh Thị Th cho UBND xã NH, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Thị V cho UBND xã PNA, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ph cho UBND xã TP, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lưu Văn Đ cho UBND xã PN, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đĩa men sứ (đã vỡ), 01 (một) bát men sứ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) chiếc chiếu.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước **13.530.000** (mười ba triệu năm trăm ba mươi ngàn) đồng.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2020. Toàn bộ số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện C tại Kho bạc Nhà nước huyện C theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 03/8/2020).

5. Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ, mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Lưu Thị Th, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị V, Triệu Bá H, Đỗ Năng Kh, Trần Thế C, Nguyễn Thị Ph, Đinh Thị Th, Lưu Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an huyện Chương Mỹ;
- CC THA dân sự huyện Chương Mỹ;
- Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Mai